ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2016/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG
Ngày: 20-02-2017
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 550

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1076/TTr-SLĐTBXH ngày 15/9/2016 về việc đề nghị ban hành Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng các phòng VX, NC, TH;
- Lưu: VT;KGVX (Tùng).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số khoản chi phí cho người nghiện ma túy trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Trung tâm); mức đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm, người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2. Những quy định khác không quy định tại Quy định này được thực hiện theo pháp luật hiện hành;

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện và quản lý sau cai tại Trung tâm và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo Luật Xử lý vi phạm hành chính; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện, người sau cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 3. Quy định về đóng góp và hỗ trợ

1. Người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và người sau cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí và được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Quy định này. Trường hợp người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy không đủ điều kiện đóng góp thì thân nhân, gia đình của người đó phải có trách nhiệm đóng góp.

2. Trường hợp người nghiện ma túy, người sau cai nghiện được nhà nước hỗ trợ một số khoản theo Quy định này trùng với các khoản đóng góp thì được giảm mức đóng góp tương ứng với mức được hỗ trợ.

3. Các đối tượng thuộc diện được miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp và được hỗ trợ chi phí cai nghiện, quản lý sau cai nghiện theo quy định tại Quy định này mà đồng thời cùng một lúc thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách miễn, giảm, hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Một số khoản chi phí cho học viên (bao gồm cả người chưa thành niên) trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm

1. Tiền hoạt động văn hóa, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng;

2. Các khoản: tiền điện, nước sinh hoạt cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại Trung tâm; tiền ăn đường, tiền tàu xe cho học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, đối tượng Bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được thực hiện theo khoản 5 và 10 Điều 5 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm và tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình và cộng đồng (sau đây gọi là Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH).

Điều 5. Các khoản đóng góp, mức đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp

a) Tiền ăn: 35.000 đồng/người/ngày;

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 650.000 đồng/người/lần cai nghiện;

c) Tiền xét nghiệm tìm chất ma tuý và các xét nghiệm khác: 90.000 đồng/người/lần cai nghiện;

d) Tiền hoạt động văn hóa, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng;

đ) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng;

e) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 100.000 đồng/người/lần cai nghiện;

g) Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng;

h) Tiền học văn hoá (nếu bản thân có nhu cầu): Mức đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà nước;

i) Tiền học nghề (nếu bản thân có nhu cầu): mức đóng theo quy định tại Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn các khoản đóng góp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này cho người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đăng ký chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm với thời gian từ 6 tháng trở lên thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người thuộc hộ nghèo;

- Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS;

b) Giảm 50% mức đóng góp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này cho người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đăng ký chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm với thời gian từ 6 tháng trở lên thuộc hộ cận nghèo;

c) Khi thực hiện chế độ miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp, người được miễn, giảm phải có các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, hoặc giảm theo quy định tại điểm a và b khoản này gửi Giám đốc Trung tâm làm căn cứ để xem xét quyết định miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp theo quy định.

3. Chế độ hỗ trợ

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm được hỗ trợ các khoản sau:

a) Tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết Dương lịch: 70.000 đồng/người/ngày; thời gian hỗ trợ 5 ngày/năm;

b) Ăn thêm các ngày Tết Nguyên đán: 105.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ 5 ngày;

c) Tiền vệ sinh phụ nữ: 20.000 đồng/người/tháng.

4. Thời gian được hưởng chế độ miễn giảm, hỗ trợ

Mỗi một người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm chỉ được áp dụng chế độ miễn, giảm theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này và chế độ hỗ trợ tại khoản 3 Điều này cho một lần cai nghiện, với thời gian tối đa 12 tháng.

Điều 6. Các khoản đóng góp, mức đóng góp; chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp

a) Tiền ăn: 23.000 đồng/người/ngày;

b) Tiền hoạt động văn hóa, thể thao: 70.000 đồng/người/năm;

c) Chi phí khám chữa bệnh thông thường: 20.000 đồng/người/tháng;

d) Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 100.000 đồng/ người/năm;

đ) Tiền học văn hóa, học nghề (nếu bản thân có nhu cầu): theo quy định tại các điểm h và i khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn các khoản đóng góp quy định tại điểm a, b, c, và d khoản 1 Điều này cho người sau cai nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người thuộc hộ nghèo;

- Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội;

- Người không có nơi cư trú nhất định.

b) Giảm 50% mức đóng góp quy định tại điểm a, b, c, và d khoản 1 Điều này cho người sau cai nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm thuộc hộ cận nghèo;

c) Khi thực hiện chế độ miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp, người được miễn, giảm phải có các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm theo quy định tại điểm a và b khoản này (trừ đối tượng người không có nơi cư trú nhất định) gửi Giám đốc Trung tâm làm căn cứ để xem xét quyết định miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp theo quy định.

3. Chế độ hỗ trợ

Người sau cai nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm được hỗ trợ các khoản sau:

a) Tiền ăn thêm các ngày Lễ, Tết theo quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 5 Quy định này;

b) Các khoản hỗ trợ khác được thực hiện theo khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện.

Điều 7. Các khoản đóng góp; chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng

1. Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 90.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày;

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách (nếu có): 100.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

2. Chế độ miễn giảm

a) Miễn các khoản đóng góp quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều này cho người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người thuộc hộ nghèo;

- Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Người chưa thành niên;

- Người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội;

- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

b) Giảm 50% mức đóng góp theo quy định tại khoản 1 Điều này cho người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ cận nghèo.

3. Chế độ hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc một trong các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc một trong các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hồ sơ quản lý đối tượng tại Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, quyết định miễn, hoặc giảm các khoản đóng góp, hỗ trợ tiền ăn và chi phí cai nghiện theo khoản 2 và 3 Điều này cho từng trường hợp. Trường hợp hồ sơ quản lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ căn cứ để thực hiện chế độ miễn, giảm các khoản đóng góp, hoặc hỗ trợ các khoản chi phí cai nghiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu đối tượng nộp các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ để làm căn cứ quyết định miễn, giảm các khoản đóng góp, hoặc hỗ trợ chi phí cai nghiện theo quy định.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí

a) Ngân sách nhà nước;

b) Đóng góp của người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy;

c) Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

d) Nguồn viện trợ, tài trợ;

đ) Nguồn thu hợp pháp khác.

2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp:

a) Các khoản đóng góp quy định tại Quy định này, đơn vị được giữ lại để chi phục vụ việc tổ chức cai nghiện, quản lý sau cai cho đối tượng;

b) Đơn vị thu có trách nhiệm quản lý các khoản đóng góp, sử dụng và quyết toán các khoản đóng góp theo đúng quy định.

3. Kinh phí thực hiện chi hỗ trợ và cấp bù các khoản miễn, giảm chi phí cho các đối tượng quy định tại Quy định này được bảo đảm từ dự toán chi đảm bảo xã hội và được bố trí trong dự toán chi ngân sách của tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Việc lập, tổng hợp, giao dự toán, phân bổ và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này; lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai hàng năm tại Trung tâm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn Trung tâm thực hiện chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ cho các đối tượng, thực hiện việc lập dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng quy định và có hiệu quả. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện tại các địa phương, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chỉ đạo, tổ chức triển khai có hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai tại Trung tâm.

2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan

a) Kiểm tra, thẩm định, tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy hàng năm của các đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán chi, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tại các đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết định này trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện chế độ miễn giảm, hỗ trợ cho các đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, nắm chắc tình hình người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn; tích cực triển khai thực hiện việc hồ sơ đề nghị và quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy; tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện theo các quy định hiện hành;

c) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức vận động người nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và Trung tâm; tổ chức cắt cơn, giáo dục, tư vấn, dạy nghề, hỗ trợ tạo việc làm và giúp đỡ người nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung